

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH LÀO CAI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết tỉnh Lào Cai là Công ty TNHH Một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200102587 cấp lần đầu ngày 21 tháng 05 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 044, đường Cốc Lếu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tráng	Giám đốc
Ông Phạm Văn Thành	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Bùi Văn Hùng - Chủ tịch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty xô số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xô số kiến thiết và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Bùi Văn Hùng

Chủ tịch

Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2026



Số: 250226.015/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết tỉnh Lào Cai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết tỉnh Lào Cai được lập ngày 25 tháng 02 năm 2026, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa - khoản đầu tư vào công ty liên kết đang có kế hoạch thoái vốn theo Công văn số 343/KH – UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với các khoản mục đầu tư tài chính dài hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, chi phí tài chính, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp, và tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết tỉnh Lào Cai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.370.922.932	33.418.765.319
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.234.985.411	4.912.821.219
111 1. Tiền		4.234.985.411	2.412.821.219
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	2.500.000.000
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	21.466.523.935	26.480.890.841
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		21.466.523.935	26.480.890.841
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.002.304.457	987.016.482
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	266.176.354	384.604.354
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	22.000.000
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	881.467.457	725.751.482
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(145.339.354)	(145.339.354)
140 IV. Hàng tồn kho	8	351.420.062	1.038.036.777
141 1. Hàng tồn kho		351.420.062	1.038.036.777
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		315.689.067	-
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.895.809	-
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	312.793.258	-
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		60.637.024.868	56.521.220.609
220 I. Tài sản cố định		2.097.420.632	2.298.767.830
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.097.420.632	2.298.767.830
222 - Nguyên giá		10.326.719.029	10.300.786.182
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(8.229.298.397)	(8.002.018.352)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228 - Nguyên giá		646.500.000	646.500.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(646.500.000)	(646.500.000)
240 II. Tài sản dở dang dài hạn		5.388.552.458	4.308.766.827
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	5.388.552.458	4.308.766.827
250 III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	52.503.340.000	49.465.040.000
252 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		25.260.040.000	25.260.040.000
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.243.300.000	24.205.000.000
260 IV. Tài sản dài hạn khác		647.711.778	448.645.952
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	647.711.778	448.645.952
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		88.007.947.800	89.939.985.928

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		12.016.008.509	17.934.718.259
310 I. Nợ ngắn hạn		12.016.008.509	17.934.718.259
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	161.370.280	40.716.800
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.501.000	3.000.000
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	628.507.305	3.756.503.801
314 4. Phải trả người lao động		2.583.537.497	2.038.605.976
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	947.975.600	7.300.474
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.077.800.245	3.535.262.368
321 7. Dự phòng rủi ro trả thường	17	2.547.720.338	6.841.948.938
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.061.596.244	1.711.379.902
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		75.991.939.291	72.005.267.669
410 I. Vốn chủ sở hữu	18	75.991.939.291	72.005.267.669
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		65.982.790.680	65.982.790.680
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		10.009.148.611	6.022.476.989
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		88.007.947.800	89.939.985.928

Ngô Thị Thúy Phương
Người lập biểu
Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thúy Phương
Kế toán trưởng



Bùi Văn Hùng
Chủ tịch

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu		123.366.308.680	123.960.983.679
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		123.366.308.680	123.960.983.679
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		4.877.029.571	4.424.572.748
01.1.3	1.1.2. Xổ số bốc		8.870.965.473	7.988.010.927
01.1.4	1.1.3. Xổ số lô tô		109.618.313.636	111.548.400.004
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		16.091.253.360	16.168.823.930
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		16.091.253.360	16.168.823.930
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		636.133.982	577.118.177
02.1.3	2.1.2. Xổ số bốc		1.157.082.437	1.041.914.450
02.1.4	2.1.3. Xổ số lô tô		14.298.036.941	14.549.791.303
10	3. Doanh thu thuần		107.275.055.320	107.792.159.749
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		107.275.055.320	107.792.159.749
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		4.240.895.589	3.847.454.571
10.1.3	3.1.2. Xổ số bốc		7.713.883.036	6.946.096.477
10.1.4	3.1.3. Xổ số lô tô		95.320.276.695	96.998.608.701
11	4. Chi phí kinh doanh	19	88.784.984.488	89.450.822.630
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		88.784.984.488	89.450.822.630
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thưởng		75.407.967.390	70.885.490.185
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		13.377.017.098	18.565.332.445
20	5. Lợi nhuận gộp		18.490.070.832	18.341.337.119
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		18.490.070.832	18.341.337.119
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	3.858.855.464	902.346.911
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	15.470.416.816	15.521.750.024
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.878.509.480	3.721.934.006
31	9. Thu nhập khác	22	111.338.945	72.371.186
32	10. Chi phí khác		-	31.726.394
40	11. Lợi nhuận khác		111.338.945	40.644.792

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

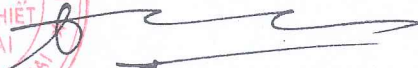
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.989.848.425	3.762.578.798
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	790.309.685	754.565.002
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.199.538.740</u>	<u>3.008.013.796</u>



Ngô Thị Thúy Phương
Người lập biểu
Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2026



Ngô Thị Thúy Phương
Kế toán trưởng



Bùi Văn Hùng
Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	57.698.215.425	58.528.230.405
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(8.679.711.012)	(5.305.651.083)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(9.844.874.100)	(8.633.805.266)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(799.565.002)	(842.715.054)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.637.317.456	3.823.544.949
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(48.463.336.564)	(51.977.977.826)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.451.953.797)	(4.408.373.875)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(1.070.644.751)	(95.962.727)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	(14.371.398.810)	(17.515.221.600)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	19.883.497.011	21.794.418.926
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	332.664.539	597.619.355
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	4.774.117.989	4.780.853.954
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(677.835.808)	372.480.079
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4.912.821.219	4.540.341.140
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 4.234.985.411	4.912.821.219

Ngô Thị Thúy Phương
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Ngô Thị Thúy Phương
Kế toán trưởng



Bùi Văn Hùng
Chủ tịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết tỉnh Lào Cai là Công ty TNHH Một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200102587 cấp lần đầu ngày 21 tháng 05 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 044, đường Cốc Lếu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty là 79.866.584.080 đồng (Bảy mươi chín tỷ, tám trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi tư nghìn, không trăm tám mươi đồng). Vốn thực góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 65.982.790.680 đồng (Sáu mươi lăm tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xổ số.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số Miền Bắc, xổ số bốc và xổ số lô tô (02, 03, 04 số).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, hoa hồng bán vé xổ số được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 Quy định 1 số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với từng loại hình xổ số được quy định như sau:

- Đối với xổ số truyền thống: tỷ lệ trả thưởng xây dựng cho mỗi đợt phát hành tối đa là 50% trên tổng giá trị vé xổ số phát hành;
- Đối với xổ số lô tô thủ công: tỷ lệ trả thưởng xây dựng tối đa là 60% trên tổng giá trị vé xổ số dự kiến phát hành.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$

Trong đó:

- DP_{tt} : Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.
- DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập.
- TL_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số.
- TT_{tt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc, miền Trung và Công ty xổ số điện toán Việt Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính Phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu kinh doanh xổ số

Doanh thu kinh doanh xổ số được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu trong năm là thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp từ hoạt động kinh doanh xô số.

2.18 . Chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh phát sinh trong năm là chi phí kinh doanh xô số, bao gồm: chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xô số. Các chi phí này được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Tuy nhiên, do đặc thù của nghiệp vụ kinh doanh xô số, chi phí trả thưởng được ghi nhận theo thời điểm thực chi, do thời gian có hiệu lực của vé trúng giải tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày mở thưởng nên chi phí trả thưởng có thể được ghi nhận vào kỳ kế toán tiếp theo không cùng với kỳ ghi nhận doanh thu. Trước thời điểm mở thưởng 30 phút, Công ty thực hiện chốt số lượng vé ể do các đại lý trả về và ghi nhận doanh thu tương ứng với lượng vé xô số thực bán.

2.19 . Chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.727.322.648	1.660.742.706
Tiền gửi ngân hàng	1.507.662.763	752.078.513
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000
	4.234.985.411	4.912.821.219

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	21.466.523.935	-	26.480.890.841	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.466.523.935	-	26.480.890.841	-
	21.466.523.935	-	26.480.890.841	-

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,6%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	25.260.040.000	-	25.260.040.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Du lịch Sa Pa (iii)	25.260.040.000	-	25.260.040.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	27.243.300.000	-	24.205.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh khách sạn Quốc tế Lào Cai (iv)	27.243.300.000	-	24.205.000.000	-
	52.503.340.000	-	49.465.040.000	-

(ii) Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Du lịch Lào Cai theo biên bản chuyển giao khoản vốn đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác ngày 24/11/2014 giữa bên chuyển giao (Công ty TNHH MTV Du lịch Lào Cai), bên nhận chuyển giao (Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết tỉnh Lào Cai) và đại diện của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai.

(iii) Công ty đang phối hợp với các bên liên quan, thực hiện các thủ tục cần thiết để thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dầu khí Du lịch Sa Pa theo kế hoạch thoái vốn số 343/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lào Cai cũng như phương án chuyển nhượng vốn đầu tư đã được phê duyệt. Công ty đã xây dựng phương án chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dầu khí Du lịch Sa Pa theo văn bản số 214/PA-XS ngày 16/12/2024 gửi UBND tỉnh Lào Cai. Trong năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để bán đấu giá và chào bán cạnh tranh cổ phần Công ty Cổ phần Dầu khí Du lịch Sa Pa với tổng số cổ phần được chào bán là 2.526.004 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần, tổng giá trị khởi điểm đấu giá và chào bán cạnh tranh là 95.230.350.800 VND.

(iv) Do chưa góp đủ vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh, lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Liên doanh khách sạn Quốc tế Lào Cai năm tài chính tính đến ngày kết thúc 30/06/2025 với số tiền là 115.000 USD tương đương 3.038.300.000 VND được để lại, tăng vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Liên doanh Khách sạn Quốc tế Lào Cai. Đến ngày 31/12/2025, giá trị phần vốn đã góp của Công ty tại Công ty TNHH Liên doanh khách sạn Quốc tế Lào Cai là 705.000 USD, việc góp vốn bằng lợi nhuận để lại sẽ dừng lại khi giá trị phần vốn góp của Công ty đạt 990.000 USD.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dầu khí Du lịch Sa Pa	Lào Cai	25,26%	25,26%	Khách sạn, nhà hàng; Đầu tư tài chính; Dịch vụ lưu hành

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Liên doanh khách sạn Quốc tế Lào Cai (v)	Lào Cai	5%	5%	Dịch vụ khách sạn; Hoạt động vui chơi giải trí có thưởng dành riêng cho người nước ngoài

(iv) Tỷ lệ vốn góp 5% là tỷ lệ theo đăng ký kinh doanh, hiện tại Công ty đã góp 705.000 USD trên tổng số vốn cam kết góp là 990.000 USD theo Đăng ký kinh doanh.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổng đại lý, đại lý về hoạt động kinh doanh xổ số				
Cá nhân là khách lẻ	122.540.354	(122.540.354)	122.540.354	(122.540.354)
- Nguyễn Duy Thuận	25.777.000	(25.777.000)	25.777.000	(25.777.000)
- Nguyễn Minh Căn	14.050.000	(14.050.000)	14.050.000	(14.050.000)
- Các đối tượng khác	82.713.354	(82.713.354)	82.713.354	(82.713.354)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các tổng đại lý, đại lý về hoạt động kinh doanh xổ số				
Các tổng đại lý	-	-	128.591.000	-
- Bùi Phương Mai	-	-	103.746.000	-
- Vũ Đại Phong	-	-	24.845.000	-
- Lục Quang Hưng	-	-	133.473.000	-
- Nguyễn Công Nguyên	143.636.000	-	-	-
	266.176.354	(122.540.354)	384.604.354	(122.540.354)

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	101.156.090	-	111.033.045	-
Phải thu về chi phí thoái vốn (i)	644.597.048	-	512.304.118	-
Tạm ứng	35.000.000	-	49.800.000	-
Phải thu khác	100.714.319	(22.799.000)	52.614.319	(22.799.000)
	881.467.457	(22.799.000)	725.751.482	(22.799.000)
b) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	344.662.818	-	344.662.818	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	99.000.000	-	99.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán UP	108.181.818	-	35.000.000	-
Các đối tượng khác	329.622.821	(22.799.000)	247.088.664	(22.799.000)
	881.467.457	(22.799.000)	725.751.482	(22.799.000)

(i) Các khoản chi phí Công ty thực hiện các thủ tục để thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dầu khí Du lịch Sa Pa, sẽ được quyết toán sau khi hoàn thành việc thoái vốn.

7 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	122.540.354	-	122.540.354	-
- Nguyễn Duy Thuận	25.777.000	-	25.777.000	-
- Các đối tượng khác	96.763.354	-	96.763.354	-
Phải thu khác	22.799.000	-	22.799.000	-
- Nguyễn Duy Thuận	2.799.000	-	2.799.000	-
- Các đối tượng khác	20.000.000	-	20.000.000	-
	145.339.354	-	145.339.354	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	18.469.602	-	196.316.458	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	141.000.000	-
Hàng hóa	12.499.984	-	43.981.436	-
Vé xổ số	320.450.476	-	656.738.883	-
- Vé xổ số Miền Bắc	12.468.892	-	10.893.136	-
- Vé xổ số bốc	232.217.255	-	489.392.252	-
- Vé xổ số lô tô	75.764.329	-	156.453.495	-
	351.420.062	-	1.038.036.777	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đầu tư xây dựng Phòng giao dịch (i)	4.312.299.569	4.308.766.827
Đầu tư xây dựng Trụ sở giao dịch mới (ii)	1.076.252.889	-
	5.388.552.458	4.308.766.827

(i) Công trình xây dựng Phòng giao dịch Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lào Cai. Địa điểm xây dựng: Khu nhà ở Thương mại D3 - Đoạn đường D3 (đoạn từ B6 đến cầu chui Bắc Lệnh - đường Hoàng Liên kéo dài), phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tổng mức đầu tư 7,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, hiện tại dân cư tại khu vực này còn thưa thớt, bên cạnh đó, để tạo điều kiện cho các đại lý bán vé nộp vé vào buổi chiều gần với điểm thu vé, Công ty dự kiến thanh lý 02 căn nhà làm văn phòng giao dịch tại Dự án Khu nhà ở thương mại đường D3, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai với giá trị thu hồi khoảng 7,5 tỷ đồng.

(ii) Công trình xây dựng Trụ sở tại số 044, đường Cốc Lếu, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai với tổng mức đầu tư theo dự toán 28,5 tỷ đồng gồm 8 tầng, 1 tum mái của chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Xổ số Lào Cai. Đến thời điểm 31/12/2025, dự án đang trong giai đoạn thẩm định, tư vấn thiết kế.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.777.863.947	565.604.518	2.213.681.818	743.635.899	10.300.786.182
- Mua trong năm	-	103.641.520	-	30.638.600	134.280.120
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(73.597.273)	(34.750.000)	(108.347.273)
Số dư cuối năm	6.777.863.947	669.246.038	2.140.084.545	739.524.499	10.326.719.029
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.913.834.533	514.130.471	1.925.681.049	648.372.299	8.002.018.352
- Khấu hao trong năm	210.996.300	11.149.598	88.631.820	24.849.600	335.627.318
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(73.597.273)	(34.750.000)	(108.347.273)
Số dư cuối năm	5.124.830.833	525.280.069	1.940.715.596	638.471.899	8.229.298.397
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.864.029.414	51.474.047	288.000.769	95.263.600	2.298.767.830
Tại ngày cuối năm	1.653.033.114	143.965.969	199.368.949	101.052.600	2.097.420.632

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 5.069.989.195 VND.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	610.000.000	36.500.000	646.500.000
Số dư cuối năm	610.000.000	36.500.000	646.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	610.000.000	36.500.000	646.500.000
Số dư cuối năm	610.000.000	36.500.000	646.500.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 646.500.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tiền cước internet	2.895.809	-
	2.895.809	-
a) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	624.270.444	429.383.778
Các khoản khác	23.441.334	19.262.174
	647.711.778	448.645.952

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	33.000.000	33.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV xây dựng Mính Phúc	93.735.000	93.735.000	-	-
Nguyễn Hồng Định	-	-	29.420.000	29.420.000
Phải trả các đối tượng khác	34.635.280	34.635.280	11.296.800	11.296.800
	161.370.280	161.370.280	40.716.800	40.716.800

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.504.632.801	12.051.947.045	13.472.841.119	-	83.738.727
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.013.196.341	16.091.257.351	17.702.994.799	-	401.458.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	152.565.002	790.309.685	799.565.002	-	143.309.685
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	477.817.158	477.817.158	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	85.645.228	178.530.604	92.885.376	-
Lợi nhuận sau thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	86.109.657	62.092.118	368.109.657	219.907.882	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	3.756.503.801	29.562.068.585	33.002.858.339	312.793.258	628.507.305

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trích trước hoa hồng xô số	943.907.000	-
Chi phí phải trả khác	4.068.600	7.300.474
	947.975.600	7.300.474

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	96.979.681
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.938.669.500	3.317.240.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	139.130.745	121.042.087
	3.077.800.245	3.535.262.368

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
b) Chi tiết theo đối tượng		
Nguyễn Văn Huyền	-	260.000.000
Đoàn Thị Tài	271.450.100	260.000.000
Phan Tiến Việt	208.823.300	200.000.000
Bùi Việt Hòa	-	200.000.000
Nguyễn Công Nguyên	307.469.600	170.000.000
Công ty TNHH MTV Xô số Kiến Thiết Thủ Đô	93.011.695	94.322.769
Các đối tượng khác	2.197.045.550	2.350.939.599
	3.077.800.245	3.535.262.368

17 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.841.948.938	10.812.161.700
Trích lập dự phòng rủi ro trả thường	105.771.400	429.787.238
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trả thường (xô số lô tô)	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Số dư cuối năm	2.547.720.338	6.841.948.938

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	65.982.790.680	5.120.072.850	-	71.102.863.530
Lãi trong năm trước	-	-	3.008.013.796	3.008.013.796
Phân phối lợi nhuận	-	902.404.139	(2.621.904.139)	(1.719.500.000)
Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	(386.109.657)	(386.109.657)
Số dư cuối năm trước	65.982.790.680	6.022.476.989	-	72.005.267.669
Lãi trong năm nay	-	-	6.199.538.740	6.199.538.740
Phân phối lợi nhuận (i)	-	948.371.622	(3.099.146.622)	(2.150.775.000)
Tăng Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận được chia (ii)	-	3.038.300.000	(3.038.300.000)	-
Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	-	-	(62.092.118)	(62.092.118)
Số dư cuối năm	65.982.790.680	10.009.148.611	-	75.991.939.291

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp như sau:

	Số tiền VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	948.371.622
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.150.775.000
Lợi nhuận nộp Ngân sách nhà nước	62.092.118
	3.161.238.740

(ii): Lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh khách sạn Quốc tế Lào Cai với số tiền 115.000 USD, tương đương 3.038.300.000 VND (Thuyết minh số 20) được sử dụng để tăng vốn góp đầu tư vào Công ty này (Thuyết minh số 04).

19 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí kinh doanh xở số	88.784.984.488	89.450.822.630
- Chi phí trả thưởng	75.407.967.390	70.885.490.185
+ Chi phí trả thưởng xở số Miền Bắc	2.916.057.390	2.244.625.185
+ Chi phí trả thưởng xở số bóc	5.007.458.000	4.353.744.000
+ Chi phí trả thưởng xở số Lô tô	63.795.617.000	60.551.296.000
+ Chi phí trả thưởng xở số Lô tô cặp	3.688.835.000	3.735.825.000
- Chi phí cho các đại lý	14.603.714.000	14.757.972.650
+ Chi phí cho các đại lý vé Miền Bắc	643.826.000	585.597.600
+ Chi phí cho các đại lý vé bóc	1.158.961.000	1.035.104.000
+ Chi phí hoa hồng cho các đại lý vé Lô tô	12.027.161.000	12.336.462.050
+ Chi phí cho các đại lý vé Xở số Lô tô cặp	773.766.000	800.809.000
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	30.373.964	120.759.049
- Chi phí chống số đề	70.480.000	204.760.000
- Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng rủi ro trả thưởng	(4.294.228.600)	429.787.238
- Chi phí về vé xở số	1.139.644.334	1.155.608.212
+ Chi phí vé xở số Miền Bắc	125.940.171	143.252.805
+ Chi phí vé xở số bóc	486.974.997	475.429.821
+ Chi phí vé xở số Lô tô	526.409.166	536.725.586
+ Chi phí vé xở số Lô tô cặp	320.000	200.000
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	75.859.383	-
- Chi phí đóng góp cho Hội đồng xở số kiến thiết khu vực	55.523.856	56.344.810
- Chi phí trực tiếp phát hành khác	1.695.650.161	1.840.100.486
	88.784.984.488	89.450.822.630

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	820.555.464	902.346.911
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	3.038.300.000	-
	3.858.855.464	902.346.911

(i) Cổ tức lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Liên doanh khách sạn Quốc tế Lào Cai với số tiền là 115.000 USD tương đương 3.038.300.000 VND theo Biên bản họp của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Khách sạn Quốc tế Lào Cai ngày 03/10/2025.

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	630.580.266	430.629.570
Chi phí nhân công	10.270.180.760	9.760.687.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	335.627.318	345.229.218
Thuế, phí và lệ phí	154.664.041	500.720.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.089.153.473	1.307.486.622
Chi phí khác bằng tiền	2.990.210.958	3.176.996.145
	15.470.416.816	15.521.750.024

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền phạt nộp thiếu vé của đại lý	102.547.297	69.586.186
Các khoản khác	8.791.648	2.785.000
	111.338.945	72.371.186

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.989.848.425	3.762.578.798
Các khoản điều chỉnh tăng	-	10.246.212
- Chi phí không hợp lệ	-	10.246.212
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.038.300.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.038.300.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.951.548.425	3.772.825.010
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (= Thu nhập tính thuế x Thuế suất)	790.309.685	754.565.002
Chi phí thuế TNDN hiện hành	790.309.685	754.565.002
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	152.565.002	240.715.054
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(799.565.002)	(842.715.054)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	143.309.685	152.565.002

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2025		
Các khoản tiền và tương đương tiền	1.507.662.763	1.507.662.763
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.002.304.457	1.002.304.457
Các khoản cho vay	21.466.523.935	21.466.523.935
	<u>23.976.491.155</u>	<u>23.976.491.155</u>
Tại ngày 01/01/2025		
Các khoản tiền và tương đương tiền	3.252.078.513	3.252.078.513
Phải thu khách hàng, phải thu khác	965.016.482	965.016.482
Các khoản cho vay	26.480.890.841	26.480.890.841
	<u>30.697.985.836</u>	<u>30.697.985.836</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2025			
Phải trả người bán, phải trả khác	3.239.170.525	-	3.239.170.525
Chi phí phải trả	947.975.600	-	947.975.600
	<u>4.187.146.125</u>	<u>-</u>	<u>4.187.146.125</u>
Tại ngày 01/01/2025			
Phải trả người bán, phải trả khác	3.575.979.168	-	3.575.979.168
Chi phí phải trả	7.300.474	-	7.300.474
	<u>3.583.279.642</u>	<u>-</u>	<u>3.583.279.642</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Ban Lãnh đạo

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
1	Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch	530.440.000	506.000.000
2	Ông Nguyễn Đắc Tráng	Giám đốc	472.588.804	486.000.000
3	Ông Phạm Văn Thành	Phó Giám đốc	418.504.578	425.000.000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Ngô Thị Thúy Phương

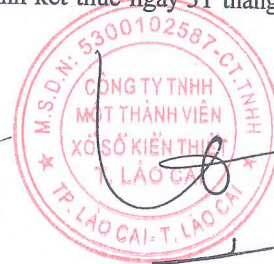
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2026



Ngô Thị Thúy Phương

Kế toán trưởng



Bùi Văn Hùng

Chủ tịch